

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ - ST
Ngày 06-12-2023
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, ấp TT, xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 2, ấp TT, xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị V trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà V và ông T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà V xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà V và ông T có 01 người con tên Trần Tuyết T1, sinh ngày 12/9/2013. Khi ly hôn, Bà V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 11/11/2023 bị đơn ông Trần Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông T và Bà V chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm cái vã khi ông T đi uống rượu. Ông T muốn hàn gắn tình cảm nhưng Bà V không cho cơ hội cũng như không muốn chung sống. Nay, ông T vẫn còn yêu thương Bà V nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị V và ông Trần Quốc T có 01 người con tên Trần Tuyết T1, sinh ngày 12/9/2013. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con cho Bà V nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà V và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà V và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cho rằng mâu thuẫn nhỏ nhất, bị đơn vẫn còn yêu thương Bà V nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn cũng không tìm được phương pháp hàn gắn tình cảm, vợ chồng cũng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị V và ông Trần Quốc T có 01 người con tên Trần Tuyết T1, sinh ngày 12/9/2013. Khi ly hôn Bà V yêu cầu được nuôi con, ông T cũng đồng ý giao con cho Bà V nuôi dưỡng, tại bản tự khai cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với Bà V. Do vậy, đề nghị HĐXX giao con chung cho Bà V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc T, bị đơn hiện cư trú tại xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà V và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà V và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cho rằng mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị đơn vẫn còn yêu thương Bà V nên không đồng ý ly hôn.

[3] Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PS thì địa phương không biết rõ việc mâu thuẫn gia đình giữa Bà V và ông T vì không yêu cầu địa phương hòa giải.

[4] HĐXX xét hấy, hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau, bị đơn cũng không tìm được phương pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, bị đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó cho thấy rằng hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Về con chung: Bà Huỳnh Thị V và ông Trần Quốc T có 01 người con tên Trần Tuyết T1, sinh ngày 12/9/2013. Khi ly hôn Bà V yêu cầu được nuôi con, ông T cũng đồng ý giao con cho Bà V nuôi dưỡng, tại bản tự khai cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với Bà V. Do vậy, HĐXX quyết định giao con chung cho Bà V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị V đối với bị đơn ông Trần Quốc T về việc “Ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị V được ly hôn với ông Trần Quốc T.

3. Về con chung: Giao con chung tên Trần Tuyết T1, sinh ngày 12/9/2013 cho bà Huỳnh Thị V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005555 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh